TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 305/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 161/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Dương Thị Cẩm T**, sinh năm: 1997.

Số CCCD: 075197010518 cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú: B, tổ G, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Ông **Đinh Quang T1**, sinh năm: 1997

Số CC: 075097002976 cấp ngày 10/12/2024; nơi cấp: Bộ C.

Cư trú: B, tổ G, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Cẩm T và ông Đinh Quang T1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 221/2018 ngày 25/10/2018.

Nay ông Đinh Quang T1 và bà Dương Thị Cẩm T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 01 người con chung là cháu Đinh Quang T2, Sinh ngày 01/9/2020. Ly hôn, ông T1, bà T thống nhất giao các con chung là cháu T2 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.300.000đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) kể từ ngày ban hành Quyết định này cho đến khi cháu T2 thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông T1, bà T phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Quang T1 và bà Dương Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Quang T2, Sinh ngày 01/9/2020. Ly hôn, ông T1, bà T thống nhất giao các con chung là cháu T2 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.300.000đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) kể từ ngày ban hành Quyết định này cho đến khi cháu T2 thành niên và có khả năng lao động.

Ông Đinh Quang T1 không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Cẩm T, ông Đinh Quang T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số

0007923 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T, ông T1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt